

Số: 4834/QĐ-ĐHYD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc ban hành khung chương trình đào tạo chuyên khoa cấp II sau đại học

**HIỆU TRƯỞNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐT ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Quyết định số 1637/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp II sau đại học;*

*Căn cứ Công văn số 622/BYT-K2ĐT ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc hướng dẫn tuyển sinh và đào tạo chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II, bác sĩ nội trú năm 2020;;*

*Xét đề nghị của Trường các Khoa, Bộ môn và Trường phòng Đào tạo Sau đại học.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này khung chương trình đào tạo của 45 (bốn mươi lăm) chuyên ngành đào tạo chuyên khoa cấp II sau đại học, có các khung chương trình đào tạo kèm theo.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng trong tổ chức đào tạo trình độ chuyên khoa cấp II sau đại học kể từ năm 2020.

**Điều 3.** Trường phòng Hành chính Tổng hợp, Trường phòng Đào tạo Sau đại học, Trường các Phòng chức năng, Trường Khoa/Bộ môn liên quan và các học viên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *U*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTSĐH\_NTM.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Nguyễn Hoàng Bắc**

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**  
Chuyên ngành: Chẩn đoán hình ảnh (Siêu âm); Mã số: CK 62 72 05 02  
(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Su phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Giải phẫu học	5	4	1
2.	Ngoại tổng quát	5	4	1

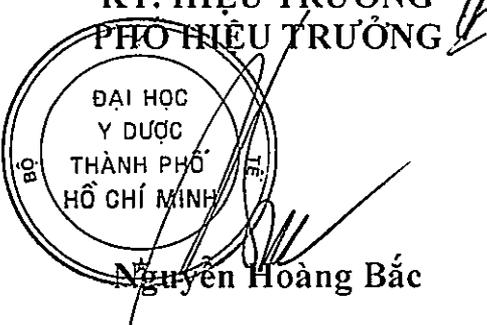
**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Hình ảnh học thần kinh	10	3	7
2.	Hình ảnh học lồng ngực	10	3	7
3.	Hình ảnh học hệ tiêu hóa – gan mật	10	3	7
4.	Hình ảnh học can thiệp	10	3	7
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 4 chứng chỉ)</b>				
5.	Siêu âm nhi	10	3	7
6.	Siêu âm sản phụ khoa	10	3	7
7.	Siêu âm cơ xương khớp	10	3	7
8.	Siêu âm Doppler mạch máu	10	3	7

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



ĐẠI HỌC  
Y DƯỢC  
THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**  
Chuyên ngành: Chẩn đoán hình ảnh (X quang); Mã số: CK 62 72 05 01  
(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Su phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Giải phẫu học	5	4	1
2.	Ngoại tổng quát	5	4	1

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Hình ảnh học thần kinh	10	3	7
2.	Hình ảnh học lồng ngực	10	3	7
3.	Hình ảnh học hệ tiêu hóa – gan mật	10	3	7
4.	Hình ảnh học can thiệp	10	3	7
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 4 chứng chỉ)</b>				
5.	Hình ảnh học nhi khoa	10	3	7
6.	Hình ảnh học sản phụ khoa	10	3	7
7.	Hình ảnh học cơ xương khớp	10	3	7
8.	Hình ảnh học tim mạch	10	3	7

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



ĐẠI HỌC  
Y DƯỢC  
THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: Chấn thương chỉnh hình; Mã số: CK 62 72 07 25  
(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Su phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Miễn dịch học	5	5	0
2.	Ung thư	5	2	3

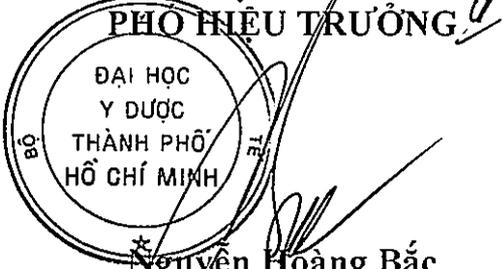
**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Chẩn đoán và điều trị bệnh lý tứ chi	10	3	7
2.	Điều trị di chứng chấn thương chi trên	10	3	7
3.	Điều trị di chứng chấn thương chi dưới	10	3	7
4.	Điều trị các gãy xương vùng khớp	10	3	7
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 4 chứng chỉ)</b>				
5.	Chẩn đoán và điều trị bệnh lý cột sống	10	3	7
6.	Vi phẫu tạo hình	10	3	7
7.	Chỉnh hình nhi	10	3	7
8.	Điều trị di chứng chấn thương cột sống	10	3	7

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



ĐẠI HỌC  
Y DƯỢC  
THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: Da liễu; Mã số: CK 62 72 35 01

(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Su phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Huyết học	5	2	3
2.	Nhiễm	5	2	3

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Bệnh da trong mối liên quan các rối loạn cơ quan, hệ thống	14	6	8
2.	Cấp cứu da liễu	10	4	6
3.	Bệnh da trẻ em	10	4	6
4.	Mạng lưới và hoạt động chỉ đạo tuyến chuyên khoa da liễu	6	3	3
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 4 chứng chỉ)</b>				
5.	Bệnh da liên quan di truyền	10	4	6
6.	Thủ thuật, kỹ thuật điều trị bệnh da liễu	10	4	6
7.	Xét nghiệm và kỹ thuật chẩn đoán bệnh da liễu	10	4	6
8.	Phẫu thuật da	10	4	6

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC  
Y DƯỢC  
THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: Gây mê hồi sức; Mã số: CK 62 72 33 01

(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Sư phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Sinh thống kê	5	3	2
2.	Nội soi phế quản	5	3	2

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Gây mê hồi sức tim mạch	10	3	7
2.	Gây mê hồi sức hô hấp và lồng ngực	10	3	7
3.	Hồi sức chuyên ngành	10	3	7
4.	Gây tê vùng – Điều trị chống đau	10	3	7
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 4 chứng chỉ)</b>				
5.	Gây mê hồi sức sản	10	3	7
6.	Gây mê hồi sức nhi	10	3	7
7.	Gây mê hồi sức thần kinh	10	3	7
8.	Gây mê hồi sức chuyên ngành	10	3	7

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
ĐẠI HỌC  
Y DƯỢC  
THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH  
Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: Giải phẫu bệnh; Mã số: CK 62 72 01 05

(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Su phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Di truyền học	5	3	2
2.	Chẩn đoán hình ảnh	5	3	2

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHÂN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Vai trò của chẩn đoán giải phẫu bệnh	10	10	0
2.	Cơ chế bệnh sinh các loại ung thư	10	10	0
3.	Đặc điểm mô bệnh học các loại ung thư	10	5	5
4.	Hóa mô miễn dịch trong chẩn đoán giải phẫu bệnh	10	5	5
<b>PHÂN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 4 chứng chỉ)</b>				
5.	Tế bào gốc ung thư	10	5	5
6.	Bệnh học phân tử ung thư	10	5	5
7.	Đối chiếu lâm sàng, hình ảnh học và giải phẫu bệnh học	10	5	5
8.	Cập nhật chẩn đoán giải phẫu bệnh	10	5	5

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
ĐẠI HỌC  
Y DƯỢC  
THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH  
Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: Hóa sinh y học; Mã số: CK 62 72 04 01

(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Su phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Vi sinh	5	5	0
2.	Huyết học	5	5	0

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Ung thư học	10	6	4
2.	Enzyme lâm sàng	10	6	4
3.	Thăm dò chức năng tuyến tụy	10	6	4
4.	Thăm dò chức năng tuyến thượng thận	10	6	4
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 4 chứng chỉ)</b>				
5.	Thăm dò chức năng tuyến sinh dục	10	6	4
6.	Thăm dò chức năng tuyến giáp	10	6	4
7.	Nội tiết học lâm sàng	10	5	5
8.	Ký sinh học	10	5	5

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
ĐẠI HỌC  
Y DƯỢC  
THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH  
\*  
Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: Hồi sức cấp cứu; Mã số: CK 62 72 31 01

(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Sư phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Chẩn đoán hình ảnh	5	5	0
2.	Nhiễm	5	5	0

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Cấp cứu hồi sức suy tuần hoàn	10	4	6
2.	Cấp cứu hồi sức suy hô hấp	10	4	6
3.	Nhiễm trùng ở bệnh nhân hồi sức và kiểm soát nhiễm trùng bệnh viện	10	4	6
4.	Ngộ độc	10	4	6
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 4 chứng chỉ)</b>				
5.	Suy gan, thận và bệnh lý đường tiêu hóa ở bệnh nhân hồi sức	10	4	6
6.	Rối loạn nước, điện giải, kiềm toan, nội tiết ở bệnh nhân hồi sức	10	4	6
7.	Theo dõi huyết động	10	4	6
8.	Siêu âm trong hồi sức cấp cứu	10	4	6

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

K.T. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
ĐẠI HỌC  
Y DƯỢC  
THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH  
Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: **Huyết học; Mã số: CK 62 72 25 01**

(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Sư phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Giải phẫu bệnh	5	5	0
2.	Ung thư	5	5	0

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Bệnh lý huyết học lành tính	10	3	7
2.	Bệnh lý huyết học ác tính	10	3	7
3.	Miễn dịch học cơ bản của Huyết học – Truyền máu	10	3	7
4.	Các kỹ thuật xét nghiệm chuyên biệt trong huyết học	10	3	7
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 3 chứng chỉ)</b>				
5.	Đông máu và tắc mạch	10	4	6
6.	Hóa trị liệu và ghép tế bào gốc tạo máu	10	4	6
7.	Sinh học phân tử trong huyết học	10	4	6

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG *kr*

  
Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: Lao; Mã số: CK 62 72 24 01

(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Sư phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Vì sinh	5	5	0
2.	Nội tiết	5	2	3

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Các bệnh Lao phổi	12	5	7
2.	Các bệnh phổi không Lao	12	4	8
3.	Các thủ thuật trong bệnh Phổi	8	2	6
4.	Các bệnh Lao ngoài phổi	8	2	6
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 4 chứng chỉ)</b>				
5.	Hồi sức cấp cứu trong bệnh Phổi	10	3	7
6.	Các xét nghiệm cơ bản trong bệnh Phổi	10	6	4
7.	Chương trình chống Lao	10	4	6
8.	Các xét nghiệm mới liên quan đến sinh học phân tử trong chẩn đoán bệnh lao	10	4	6

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
ĐẠI HỌC  
Y DƯỢC  
THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH  
Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: Lão khoa; Mã số: CK 62 72 20 30

(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Sư phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Chẩn đoán hình ảnh	5	2	3
2.	Thần kinh	5	2	3

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Tích tuổi học và các hội chứng lão hóa	10	2	8
2.	Bệnh tim mạch ở người cao tuổi	10	2	8
3.	Bệnh cơ xương khớp ở người cao tuổi	10	2	8
4.	Chăm sóc giảm nhẹ và chăm sóc cuối đời	10	2	8
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 4 chứng chỉ)</b>				
5.	Hồi sức cấp cứu ở người cao tuổi	10	2	8
6.	Sử dụng thuốc ở người cao tuổi	10	2	8
7.	Bệnh thận ở người cao tuổi	10	2	8
8.	Dinh dưỡng ở người cao tuổi	10	2	8

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
ĐẠI HỌC  
Y DƯỢC  
THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH  
Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: Ngoại khoa; Mã số: CK 62 72 07 50

(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Sư phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Ngoại ngữ	5	1	4
2.	Hình ảnh học can thiệp	5	1	4

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Phẫu thuật dạ dày – thực quản	10	3	7
2.	Phẫu thuật đại trực tràng	10	3	7
3.	Chẩn đoán và điều trị ung thư tế bào gan	10	3	7
4.	Chẩn đoán và điều trị sỏi đường mật trong và ngoài gan	10	3	7
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 4 chứng chỉ)</b>				
5.	Phẫu thuật Tụy – Lách – Mạc treo ruột	10	3	7
6.	Bệnh học sàn chậu	10	3	7
7.	Ngoại thân kinh	10	2	8
8.	Tiết niệu	10	2	8

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHỔ HIỆU TRƯỞNG  
ĐẠI HỌC  
Y DƯỢC  
THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH  
★  
Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: Ngoại - Lòng ngực; Mã số: CK 62 72 07 05

(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Sư phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Ngoại thân kinh	5	2	3
2.	Ung thư tổng quát	5	2	3

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Phẫu thuật tim và mạch máu lớn	10	2	8
2.	Phẫu thuật mạch máu ngoại biên	10	2	8
3.	Phẫu thuật phổi và màng phổi	10	2	8
4.	Hình ảnh học và nội soi lồng ngực	10	2	8
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 4 chứng chỉ)</b>				
5.	Can thiệp nội mạch	10	2	8
6.	Phẫu thuật tim bẩm sinh	10	2	8
7.	Hồi sức tim mạch	10	2	8
8.	Phẫu thuật khí – phế quản	10	2	8

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
ĐẠI HỌC  
Y DƯỢC  
THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH  
Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: Ngoại - Nhi; Mã số: CK 62 72 07 35

(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Sư phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Giải phẫu bệnh	5	2	3
2.	Chẩn đoán hình ảnh	5	2	3

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Ngoại nhi tổng quát	10	4	6
2.	Niệu nhi	10	4	6
3.	Tiêu hóa – gan mật	10	4	6
4.	Phẫu thuật sơ sinh	10	4	6
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 4 chứng chỉ)</b>				
5.	Ung bướu nhi	10	4	6
6.	Chấn thương chỉnh hình	10	4	6
7.	Cấp cứu hồi sức ngoại nhi	10	4	6
8.	Hình ảnh học siêu âm và X-quang, CT trong bệnh ngoại nhi	10	4	6

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC  
Y DƯỢC  
THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**  
Chuyên ngành: Ngoại – Thần kinh & sọ não; Mã số: CK 62 72 07 20  
(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Sư phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Giải phẫu thần kinh	5	5	0
2.	Chấn thương chỉnh hình	5	2	3

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Chấn thương sọ não nâng cao	10	3	7
2.	Bệnh lý não nâng cao	10	3	7
3.	Bệnh lý cột sống nâng cao	10	3	7
4.	Bệnh lý mạch máu não	10	3	7
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 3 chứng chỉ)</b>				
5.	Chấn thương cột sống nâng cao	10	3	7
6.	Vi phẫu ngoại thần kinh	10	3	7
7.	Phẫu thuật thần kinh chức năng	10	3	7
8.	Phẫu thuật thần kinh nhi	10	3	7

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
ĐẠI HỌC  
Y DƯỢC  
THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH  
Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: Ngoại - Tiết niệu; Mã số: CK 62 72 07 15

(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Sư phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Ngoại tổng quát	5	2.5	2.5
2.	Ung thư học	5	2.5	2.5

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Cấp cứu trong Tiết niệu học	10	4.5	5.5
2.	Bướu đường tiết niệu và dị tật, bệnh bẩm sinh đường tiết niệu	10	4.5	5.5
3.	Sỏi niệu và nhiễm trùng tiết niệu	10	4	6
4.	Bàng quang hỗn loạn thần kinh và Tiết niệu phụ khoa	10	4	6
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 4 chứng chỉ)</b>				
5.	Các bệnh suy thận mạn, các phương pháp lọc máu ngoài thận và ghép thận	10	4	6
6.	Nam giới học	10	4	6
7.	Niệu động học	10	4	6
8.	Phẫu thuật nội soi Tiết niệu	10	4	6

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
ĐẠI HỌC  
Y DƯỢC  
THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH  
★  
Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: Nhân khoa; Mã số: CK 62 72 56 01

(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Sur phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Chẩn đoán hình ảnh	5	2	3
2.	Các xét nghiệm cận lâm sàng hiện đại	5	2	3

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Chuyên đề 1: Bệnh học	10	5	5
2.	Chuyên đề 2: Triệu chứng học – Chẩn đoán	10	5	5
3.	Chuyên đề 3: Điều trị - Tiên lượng - Dự phòng	10	5	5
4.	Bệnh học kết giác cùng mạc và phần phụ	10	4	6
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 4 chứng chỉ)</b>				
5.	Thế thủy tinh – Glôcôm	10	4	6
6.	Màng bồ đào – Võng mạc	10	4	6
7.	Hốc mắt – Thần kinh nhãn khoa	10	4	6
8.	Nhãn nhi – Khúc xạ	10	4	6

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: Nhi - Hô hấp; Mã số: CK 62 72 16 10

(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Sư phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Sinh lý hô hấp	5	5	0
2.	Nhiễm	5	5	0

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Nhiễm khuẩn hô hấp	10	2	8
2.	Hen	10	2	8
3.	Xét nghiệm chẩn đoán bệnh lý hô hấp	10	2	8
4.	Dị tật bẩm sinh hệ hô hấp	10	2	8
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 4 chứng chỉ)</b>				
5.	Suy hô hấp	10	2	8
6.	Chấn thương hô hấp	10	2	8
7.	Vật lý trị liệu hô hấp	10	2	8
8.	Hình ảnh học hệ Hô hấp - Nội soi phế quản	10	2	8

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
ĐẠI HỌC  
Y DƯỢC  
THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH  
Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: Nhi - Hồi sức; Mã số: CK 62 72 16 50

(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Sư phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Sinh lý tim mạch – hô hấp	5	5	0
2.	Cấp cứu trước viện và an toàn chuyên viện	5	5	0

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Tai nạn và ngộ độc ở trẻ em	10	2	8
2.	Nhiễm khuẩn tại khoa Hồi sức Nhi	10	2	8
3.	Rối loạn nước điện giải – Thăng bằng kiềm toan	10	2	8
4.	Siêu âm cấp cứu nhi	10	2	8
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 4 chứng chỉ)</b>				
5.	Suy hô hấp - Thở máy	10	2	8
6.	Cấp cứu thâm họa	10	2	8
7.	Sốc ở trẻ em	10	2	8
8.	Lọc máu liên tục ở trẻ em	10	2	8

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**  
Chuyên ngành: Nhi: Huyết học - Ung bướu; Mã số: CK 62 72 16 30  
(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Su phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Sinh lý hệ huyết học	5	5	0
2.	Bệnh lý huyết học lâm sàng	5	5	0

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN LÝ THUYẾT: 12 ĐVHT</b>				
1.	Các bệnh lý Ung bướu ở trẻ em	4	4	0
2.	Các bệnh liên quan đến hồng cầu	2	2	0
3.	Các bệnh lý về đông máu & chảy máu ở trẻ em	2	2	0
4.	Ghép tủy	1	1	0
5.	Các bệnh lý bạch cầu và miễn dịch	2	2	0
6.	Nguyên tắc trong truyền máu	1	1	0
<b>PHẦN THỰC HÀNH: 38 ĐVHT</b>				
1.	Điều trị nội trú huyết học, ung bướu nhi	26	0	26
2.	Khoa ghép tủy	2	0	2
3.	Xạ trị nhi khoa	1	0	1
4.	Giải phẫu bệnh huyết học / Ngân hàng máu	3	0	3
5.	Giải phẫu bệnh bướu đặc và bướu não	1	0	1
6.	Chăm sóc giảm nhẹ	1	0	1
7.	Thực tập nước ngoài	4	0	4
<b>PHẦN CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG: 10 ĐVHT</b>				

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
ĐẠI HỌC  
Y DƯỢC  
THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH  
\*  
Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: Nhi - Huyết học; Mã số: CK 62 72 16 30

(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Sư phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Sinh lý hệ huyết học	5	5	0
2.	Bệnh lý huyết học lâm sàng	5	5	0

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Hội chứng thiếu máu do giảm sản xuất hồng cầu	10	2	8
2.	Hội chứng thiếu máu tán huyết ở trẻ em	10	2	8
3.	Xuất huyết giảm tiểu cầu ở trẻ em	10	2	8
4.	Rối loạn đông máu ở trẻ em	10	2	8
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 4 chứng chỉ)</b>				
5.	Bệnh bạch cầu ác tính ở trẻ em	10	2	8
6.	Ung bướu nhi	10	2	8
7.	Bệnh lý mô bào ở trẻ em	10	2	8
8.	Dinh dưỡng trong bệnh lý huyết học	10	2	8

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
ĐẠI HỌC  
Y DƯỢC  
THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH  
Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: Nhi - Sơ sinh; Mã số: CK 62 72 16 01

(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Sư phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Sinh lý sơ sinh	5	5	0
2.	Nhiễm	5	5	0

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Suy hô hấp sơ sinh	10	2	8
2.	Vàng da sơ sinh	10	2	8
3.	Nhiễm khuẩn sơ sinh	10	2	8
4.	Các dị tật bẩm sinh sơ sinh	10	2	8
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 4 chứng chỉ)</b>				
5.	Sơ sinh non tháng	10	2	8
6.	Chăm sóc sơ sinh	10	2	8
7.	Bệnh não thiếu oxy- thiếu máu cục bộ	10	2	8
8.	Rối loạn chuyển hóa ở trẻ sơ sinh	10	2	8

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
ĐẠI HỌC  
Y DƯỢC  
THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH  
Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: Nhi - Tiêu hóa; Mã số: CK 62 72 16 05

(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Sư phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Sinh lý tiêu hóa	5	5	0
2.	Nhiễm	5	5	0

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Bệnh lý gan mật	10	2	8
2.	Bệnh lý dạ dày tá tràng	10	2	8
3.	Rối loạn cơ năng đường tiêu hóa	10	2	8
4.	Dinh dưỡng nhi khoa	10	2	8
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 4 chứng chỉ)</b>				
5.	Bệnh lý nhiễm trùng và viêm mạn tính đường tiêu hóa	10	2	8
6.	Dị ứng và bất dung nạp thức ăn	10	2	8
7.	Nội soi tiêu hóa trên	10	2	8
8.	X-quang chẩn đoán bệnh lý tiêu hóa nhi	10	2	8

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: Nhi - Tim mạch; Mã số: CK 62 72 16 15

(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Sư phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức - Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Sinh lý tim mạch	5	5	0
2.	Siêu âm tim	5	5	0

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Tim bẩm sinh	10	2	8
2.	Tim mắc phải	10	2	8
3.	Rối loạn nhịp	10	2	8
4.	Cao huyết áp	10	2	8
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 4 chứng chỉ)</b>				
5.	Bệnh mạch máu	10	2	8
6.	Rối loạn hệ thận niệu trên trẻ tim bẩm sinh	10	2	8
7.	Rối loạn hệ tiêu hóa trên trẻ tim bẩm sinh	10	2	8
8.	Rối loạn hệ huyết học trên trẻ tim bẩm sinh	10	2	8

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: Nhi - Thần kinh; Mã số: CK 62 72 16 25

(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Sư phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tâm thần Nhi	5	5	0
2.	Phục hồi chức năng Nhi	5	5	0

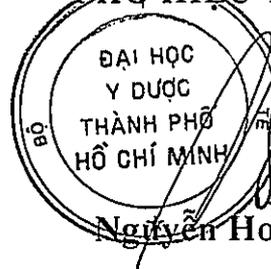
**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Động kinh	10	2	8
2.	Đọc EEG	10	2	8
3.	Bại não	10	2	8
4.	Bệnh lý thần kinh - cơ	10	2	8
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 4 chứng chỉ)</b>				
5.	Các rối loạn phát triển	10	2	8
6.	Đau ở trẻ em	10	2	8
7.	Cấp cứu thần kinh nhi	10	2	8
8.	Rối loạn vận động	10	2	8

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: Nhi - Thận; Mã số: CK 62 72 16 35

(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Sur phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Miễn dịch học	5	5	0
2.	Sinh lý thận	5	5	0

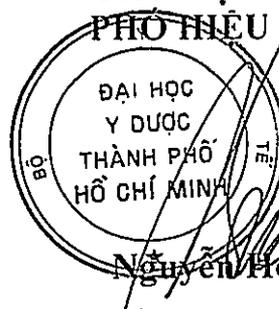
**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Thận học tổng quát 1	10	2	8
2.	Thận học tổng quát 2	10	2	8
3.	Suy thận mạn giai đoạn cuối	10	2	8
4.	Niệu học nhi khoa	10	2	8
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 4 chứng chỉ)</b>				
5.	Chẩn đoán hình ảnh và thăm dò chức năng thận	10	2	8
6.	Sinh thiết thận	10	2	8
7.	Giải phẫu bệnh thận	10	2	8
8.	Dinh dưỡng cho trẻ bệnh thận	10	2	8

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: Nhi - Nội tiết & chuyển hóa; Mã số: CK 62 72 16 45

(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Sư phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Sinh lý hệ nội tiết	5	5	0
2.	Dinh dưỡng lâm sàng nhi khoa	5	5	0

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Rối loạn vùng hạ đồi và tuyến yên	10	2	8
2.	Rối loạn tuyến giáp và cận giáp	10	2	8
3.	Bệnh lý tuyến thượng thận	10	2	8
4.	Đái tháo đường ở trẻ em	10	2	8
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 4 chứng chỉ)</b>				
5.	Rối loạn chuyển hóa xương	10	2	8
6.	Béo phì và rối loạn chuyển hóa lipid	10	2	8
7.	Rối loạn chuyển hóa bẩm sinh	10	2	8
8.	Cấp cứu trong một số bệnh lý nội tiết	10	2	8

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC  
Y DƯỢC  
THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: Nội - Hô hấp; Mã số: CK 62 72 20 05

(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Sư phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Hình ảnh học của hệ hô hấp	5	2	3
2.	Nội soi phế quản	5	2	3

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHÂN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Các phương pháp thăm dò chức năng hô hấp	10	2	8
2.	Viêm phổi cộng đồng và viêm phổi bệnh viện	10	2	8
3.	Suy hô hấp	10	2	8
4.	Nguy cơ hô hấp chu phẫu thuật	10	2	8
<b>PHÂN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 4 chứng chỉ)</b>				
5.	Hen - Chẩn đoán, Điều trị và Kiểu hình	10	2	8
6.	COPD - Chẩn đoán, Điều trị và Kiểu hình	10	2	8
7.	Ung thư phổi	10	2	8
8.	Bệnh lý màng phổi	10	2	8

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
ĐẠI HỌC  
Y DƯỢC  
THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH  
\*  
Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: Nội - Thận tiết niệu; Mã số: CK 62 72 20 20

(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Sư phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Sinh thiết thận	5	3	2
2.	Giải phẫu bệnh thận trong thực hành lâm sàng	5	5	0

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Bệnh thận mạn và suy thận mạn	10	4	6
2.	Tổn thương thận cấp và suy thận cấp	10	4	6
3.	Bệnh cầu thận nguyên phát và thứ phát	10	5	5
4.	Nhiễm trùng tiểu và bệnh ống thận mô kẽ	10	4	6
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 4 chứng chỉ)</b>				
5.	Thận nhân tạo	10	6	4
6.	Ghép thận	10	6	4
7.	Lọc màng bụng	10	6	4
8.	Các biến chứng của bệnh thận mạn	10	6	4

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
ĐẠI HỌC  
Y DƯỢC  
THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH  
Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: Nội - Tiêu hóa; Mã số: CK 62 72 20 01

(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Sư phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Nội soi tiêu hóa trên chẩn đoán	5	2	3
2.	Siêu âm bụng tổng quát	5	2	3

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Bệnh lý dạ dày – tá tràng	10	3	7
2.	Bệnh lý đại tràng	10	3	7
3.	Bệnh lý gan mật	10	3	7
4.	Bệnh lý tụy	10	3	7
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 4 chứng chỉ)</b>				
5.	Các thủ thuật thăm dò chẩn đoán và điều trị trong tiêu hóa lâm sàng	10	2	8
6.	Bệnh lý thực quản	10	3	7
7.	Bệnh lý ruột non	10	3	7
8.	Các thủ thuật điều trị cầm máu xuất huyết tiêu hóa qua nội soi	10	3	7

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: Nội - Tim mạch; Mã số: CK 62 72 20 25

(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Sư phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Điện tâm đồ	5	4	1
2.	Siêu âm tim – mạch máu	5	4	1

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Bệnh động mạch vành	10	3	7
2.	Bệnh van tim	10	3	7
3.	Tăng huyết áp	10	3	7
4.	Điều trị can thiệp bệnh tim mạch	10	3	7
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 4 chứng chỉ)</b>				
5.	Suy tim	10	3	7
6.	Rối loạn nhịp tim	10	3	7
7.	Phẫu thuật ngoài tim và nguy cơ tai biến tim mạch	10	3	7
8.	Bệnh cơ tim, bệnh màng tim và bệnh lý u ở tim – màng tim	10	3	7

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
ĐẠI HỌC  
Y DƯỢC  
THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH  
Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: Nội tiết; Mã số: CK 62 72 20 15

(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bổ ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Sur phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

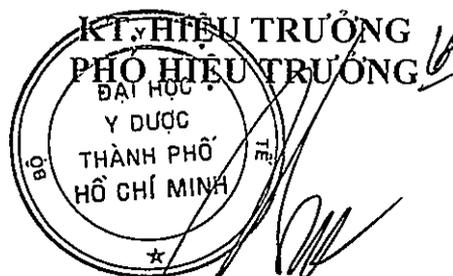
TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bổ ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Chẩn đoán hình ảnh	5	5	0
2.	Sinh thống kê	5	5	0

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bổ ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Bệnh đái tháo đường - Rối loạn lipid máu	10	5	5
2.	Bệnh lý tuyến yên - thượng thận - sinh dục	10	5	5
3.	Bệnh lý Tuyến giáp	10	5	5
4.	Bệnh lý nội tiết và thai sản	10	5	5
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 4 chứng chỉ)</b>				
5.	Bệnh lý tuyến cận giáp - Loãng xương	10	5	5
6.	Lão khoa đại cương	10	5	5
7.	Kỹ thuật thực hiện FNA tuyến giáp	10	3	7
8.	Các nghiệm pháp động trong nội tiết học	10	3	7

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**



Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: Quản lý y tế; Mã số: CK 62 72 76 05

(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Sư phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

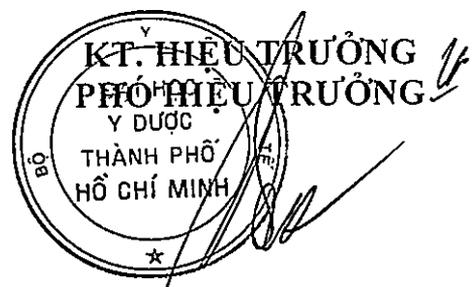
TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>Môn cơ sở:</b>				
1.	Dịch tễ học cơ bản	3	2	1
2.	Thông kê y học	3	2	1
<b>Môn hỗ trợ:</b>				
1.	Sức khỏe dân số	2	1	1
2.	Nghiên cứu định tính	2	1	1

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHÂN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Khoa học hành vi và giáo dục sức khỏe	5	2	3
2.	Chính sách y tế	5	2	3
3.	Kính tế y tế	5	2	3
4.	Quản lý bệnh viện	5	2	3
5.	Quản lý chất lượng bệnh viện	5	2	3
6.	Tổ chức – quản lý y tế	5	2	3
7.	Quản lý dự án	5	2	3
8.	Thiết kế và phân tích thông kê cho nghiên cứu khoa học	5	2	3
<b>PHÂN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 4 trong 11 chứng chỉ)</b>				
9.	Dân số và phát triển	5	2	3
10.	Dịch tễ học ứng dụng	5	2	3
11.	Y học chứng cứ	5	2	3
12.	Nâng cao sức khỏe	5	2	3
13.	Sức khỏe cộng đồng	5	2	3
14.	Quản lý nguồn nhân lực	5	2	3
15.	Sức khỏe môi trường	5	2	3
16.	Quản lý tài chính y tế	5	2	3
17.	Lãnh đạo và quản lý trong bệnh viện	5	2	3
18.	Lập kế hoạch y tế	5	2	3
19.	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	5	2	3

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**



Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: Sản phụ khoa; Mã số: CK 62 72 13 03

(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Sư phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Ung thư	5	2	3
2.	Chẩn đoán hình ảnh học trong sản phụ khoa	5	2	3

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Sản cơ sở	8	2	6
2.	Sản khó – sản bệnh	12	4	8
3.	Phụ khoa cơ sở- bệnh lý phụ khoa	10	4	6
4.	Kế hoạch hóa gia đình	10	2	8
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 4 chứng chỉ)</b>				
6.	Phẫu thuật sản phụ khoa/ phẫu thuật nội soi	10	0	10
7.	Soi cổ tử cung	10	6	4
8.	Đánh giá sức khỏe thai	10	6	4

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**  
Chuyên ngành: Tai Mũi Họng (Thính học); Mã số: CK 62 72 53 01  
(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Sư phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Giải phẫu bệnh	5	5	0
2.	Mắt	5	5	0

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Bệnh lý Đầu Mặt Cổ	10	3	7
2.	Bệnh lý mũi xoang và vùng mặt	10	3	7
3.	Bệnh lý Họng – Thanh quản – Vùng cổ	10	3	7
4.	Bệnh lý tai giữa	10	3	7
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 4 chứng chỉ)</b>				
5.	Các phương pháp thăm dò thính học	10	3	7
6.	Bệnh lý tai – thần kinh	10	3	7
7.	Bệnh lý mũi – thần kinh	10	3	7
8.	Các phương pháp thăm dò chức năng mũi họng	10	3	7

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
ĐẠI HỌC  
Y DƯỢC  
THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH  
Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: Tai Mũi Họng (Mũi Họng); Mã số: CK 62 72 53 05

(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Sư phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Giải phẫu bệnh	5	5	0
2.	Mắt	5	5	0

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Bệnh lý Đầu Mặt Cổ	10	3	7
2.	Bệnh lý mũi xoang và vùng mặt	10	3	7
3.	Bệnh lý Họng – Thanh quản – Vùng cổ	10	3	7
4.	Bệnh lý tai giữa	10	3	7
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 4 chứng chỉ)</b>				
5.	Các phương pháp thăm dò thính học	10	3	7
6.	Bệnh lý tai – thần kinh	10	3	7
7.	Bệnh lý mũi – thần kinh	10	3	7
8.	Các phương pháp thăm dò chức năng mũi họng	10	3	7

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
ĐẠI HỌC  
Y DƯỢC  
THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH  
★  
Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: Tâm thần; Mã số: CK 62 72 22 45

(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Sư phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Thần kinh	5	2	3
2.	Bệnh đái tháo đường – Bệnh nội tiết khác	5	2	3

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Tâm thần trẻ em 1	10	2	8
2.	Tâm thần người già 1	10	2	8
3.	Tâm thần dược lý 1	10	2	8
4.	Tâm thần dược lý 2	10	2	8
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 1 trong 2 chứng chỉ)</b>				
5.	Tâm thần trẻ em 2	20	10	10
6.	Tâm thần người già 2	20	10	10

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



ĐẠI HỌC  
Y DƯỢC  
THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: Thần kinh; Mã số: CK 62 72 21 40

(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Sư phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tâm thần	5	2	3
2.	Ngoại thần kinh	5	2	3

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Bệnh lý mạch máu não	10	4	6
2.	Động kinh	10	4	6
3.	Sa sút trí tuệ	10	4	6
4.	Bệnh thần kinh – cơ	10	4	6
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 4 chứng chỉ)</b>				
5.	Đau đầu	10	4	6
6.	Rối loạn vận động	10	4	6
7.	Bệnh mất myeline hệ thần kinh trung ương	10	4	6
8.	Cấp cứu thần kinh	10	4	6

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
ĐẠI HỌC  
Y DƯỢC  
THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH  
Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: Kiểm nghiệm thuốc; Mã số: CK 62 73 15 01

(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Công nghệ thông tin nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Sư phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Đạo đức trong hành nghề dược	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Phương pháp thiết lập chất đối chiếu sử dụng trong Kiểm nghiệm	5	3	2
2.	Kiểm nghiệm tạp liên quan	5	3	2

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Thiết lập hồ sơ chất lượng thuốc	10	8	2
2.	Phân tích vết	10	8	2
3.	Tối ưu hóa quy trình kiểm nghiệm	10	8	2
4.	Các hệ thống đảm bảo chất lượng và công cụ thống kê	10	8	2
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 4 chứng chỉ)</b>				
5.	Phương pháp Kiểm nghiệm Dược phẩm sinh học	10	8	2
6.	Ứng dụng kỹ thuật định lượng sinh học trong phát triển thuốc	10	8	2
7.	Kỹ thuật DSC, TG, ICP-MS dùng trong kiểm nghiệm	10	8	2
8.	Kiểm nghiệm vaccin và một số dạng thuốc đặc biệt (máu và sinh phẩm)	10	8	2

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
ĐẠI HỌC  
Y DƯỢC  
THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH  
Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: Tổ chức Quản lý dược; Mã số: CK 62 73 20 01

(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Công nghệ thông tin nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Sư phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Đạo đức trong hành nghề dược	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>Chứng chỉ cơ sở:</b>				
1.	Một số nội dung các luật liên quan đến ngành dược	3	3	0
2.	Quản trị học	2	2	0
<b>Chứng chỉ hỗ trợ:</b>				
3.	Nghệ thuật lãnh đạo	3	2	1
4.	Tổ chức cơ sở y tế	2	2	0

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>BẮT BUỘC: 35 ĐVHT</b>				
1.	Quản lý nhà nước về dược	8	3	5
2.	Quản lý kinh tế dược	9	4	5
3.	Quản lý dược bệnh viện	6	3	3
4.	Quản lý nhân lực y tế	6	2	4
5.	Quản trị chiến lược y tế	6	2	4
<b>CHUYÊN ĐỀ TỰ CHỌN: 25 ĐVHT</b>				
6.	Bảo hiểm y tế	5	2	3
7.	Đầu thầu thuốc	5	2	3
8.	Quản lý chất lượng thuốc 2	5	2	3
9.	Quản trị tài chính dược	2	1	1
10.	Quản lý doanh nghiệp dược	4	2	2
11.	Maketing dược phẩm 2	5	2	3
12.	Quản lý chuỗi cung ứng	5	2	3
13.	Dịch tễ dược	5	2	3
14.	Lập kế hoạch y tế	4	2	2

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
ĐẠI HỌC  
Y DƯỢC  
THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH  
Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**  
Chuyên ngành: Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới; Mã số: CK 62 72 38 01  
(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Su phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Chẩn đoán hình ảnh	5	2	3
2.	Cấp cứu nhi khoa	5	2	3

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Bệnh nhiễm vi trùng chuyên sâu	10	4	6
2.	Bệnh nhiễm virus chuyên sâu	10	5	7
3.	Cập nhật HIV/AIDS	10	4	6
4.	Ứng dụng dịch tễ trong bệnh truyền nhiễm	8	3	4
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 4 chứng chỉ)</b>				
5.	Bệnh nhiễm trùng trồi dậy và bệnh lây truyền từ động vật	10	4	6
6.	Nhiễm trùng bệnh viện	10	4	6
7.	Bệnh nhiễm ký sinh trùng, vi nấm và Rickettsiae chuyên sâu	10	4	6
8.	Miễn dịch và bệnh nhiễm trùng	10	4	6

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
ĐẠI HỌC  
Y DƯỢC  
THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH  
Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: Ung thư; Mã số: CK 62 72 23 01

(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Su phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Giải phẫu bệnh	5	3	2
2.	Ngoại niệu	5	2	3

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Ung thư vú – phụ khoa	10	4	6
2.	Ung thư tổng quát	10	4	6
3.	Sinh học ung thư	10	4	6
4.	Điều trị ung thư	10	4	6
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 4 chứng chỉ)</b>				
5.	Ung thư vùng đầu và cổ	10	4	6
6.	Ung thư tiêu hóa	10	4	6
7.	Chăm sóc giảm nhẹ trong ung thư	10	4	6
8.	Phòng ngừa và tầm soát ung thư	10	4	6

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
ĐẠI HỌC  
Y DƯỢC  
THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH  
Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: Y học cổ truyền; Mã số: CK 62 72 60 01

(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Su phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Thần kinh sinh học	5	5	0
2.	Dược lâm sàng (cổ truyền & hiện đại)	5	2	3

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Bệnh học và điều trị hệ Tim mạch	10	4	6
2.	Bệnh học và điều trị hệ Thần kinh	10	4	6
3.	Bệnh học và điều trị hệ Tiêu hóa – Gan mật	10	4	6
4.	Bệnh học và điều trị hệ Cơ – Xương – Khớp	10	4	6
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 6 chứng chỉ)</b>				
5.	Bệnh học Y học cổ truyền	10	4	6
6.	Bệnh học và điều trị hệ Hô hấp	10	4	6
7.	Bệnh học và điều trị hệ Tiết niệu - Sinh dục	10	4	6
8.	Bệnh học và điều trị hệ Nội tiết – Huyết học	10	4	6
9.	Bệnh học và điều trị Tai – Mũi – Họng	10	4	6
10.	Dưỡng sinh xoa bóp bảo vệ sức khỏe, chống lão hóa, phòng bệnh mạn tính	10	4	6

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
ĐẠI HỌC  
Y DƯỢC  
THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH  
Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: Y học gia đình; Mã số: CK 62 72 98 01

(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Su phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức – Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Thực hành Y khoa dựa trên chứng cứ nâng cao	5	2	3
2.	Dược lý lâm sàng nâng cao	5	2	3

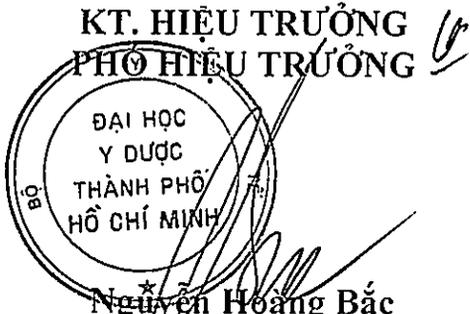
**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC: 40 ĐVHT</b>				
1.	Cấp cứu sơ sinh và cấp cứu thảm họa	6	2	4
2.	Sức khỏe toàn cầu	6	2	4
3.	Chăm sóc vết thương	6	2	4
4.	Chăm sóc và quản lý bệnh nghề nghiệp	6	2	4
5.	Y học thể thao ứng dụng vào YHGD	6	2	4
6.	Sức khỏe gia đình nâng cao	10	3	7
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 4 chứng chỉ)</b>				
5.	Y học cổ truyền ứng dụng/ Da liễu: dưỡng sinh và thực dưỡng, hương liệu pháp, xoa bóp, chuyên đề chăm sóc da	10	2	8
6.	Quản lý phòng khám và các vấn đề sức khỏe thường gặp	10	2	8
7.	Sức khỏe tâm thần: chuyên đề tâm thể - tâm lý trị liệu	10	2	8
8.	Xử trí các bệnh thông thường ở người cao tuổi	10	2	8

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



ĐẠI HỌC  
Y DƯỢC  
THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hoàng Bắc

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA CẤP II**

Chuyên ngành: Răng Hàm Mặt; Mã số: CK 62 72 28 15

(Kèm theo Quyết định số 4834/QĐ-ĐHYD ngày 31 tháng 12 năm 2020)

**I. CÁC MÔN CHUNG: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Tin học nâng cao	2	1	1
2.	Phương pháp Giảng dạy (Su phạm y học)	2	2	0
3.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2	2	0
4.	Sinh học phân tử	2	2	0
5.	Y Đức - Xã hội học	2	2	0

**II. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ: 10 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
1.	Răng Hàm Mặt cơ sở	2	2	0
2.	Giải phẫu bệnh Răng Hàm Mặt	3	1	2
3.	Nghiên cứu khoa học Răng Hàm Mặt 1	2	2	0
4.	Nghiên cứu khoa học Răng Hàm Mặt 2	3	0	3

**III. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH: 60 ĐVHT**

TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ BẮT BUỘC VÀ TỰ CHỌN NÂNG CAO: 40 ĐVHT</b> (Học viên chọn chứng chỉ Chẩn đoán hình ảnh RHM và 3 chứng chỉ cụm môn chính *)				
1.	Chẩn đoán hình ảnh răng hàm mặt	4	2	2
2.	Bệnh học miệng nâng cao I	12	3	9
3.	Bệnh học miệng nâng cao II	12	3	9
4.	Bệnh học miệng nâng cao III	12	3	9
5.	Chẩn đoán hình ảnh nâng cao I	12	3	9
6.	Chẩn đoán hình ảnh nâng cao II	12	3	9
7.	Chẩn đoán hình ảnh nâng cao III	12	3	9
8.	Cấy ghép nha khoa nâng cao I	12	3	9
9.	Cấy ghép nha khoa nâng cao II	12	3	9
10.	Cấy ghép nha khoa nâng cao III	12	3	9
11.	Chỉnh hình răng mặt nâng cao I	12	3	9
12.	Chỉnh hình răng mặt nâng cao II	12	3	9
13.	Chỉnh hình răng mặt nâng cao III	12	3	9
14.	Chữa răng - Nội nha nâng cao I	12	3	9
15.	Chữa răng - Nội nha nâng cao II	12	3	9
16.	Chữa răng - Nội nha nâng cao III	12	3	9
17.	Nha chu nâng cao I	12	3	9
18.	Nha chu nâng cao II	12	3	9
19.	Nha chu nâng cao III	12	3	9
20.	Nha khoa công cộng nâng cao I	12	3	9



TT	Tên chứng chỉ môn học	Số ĐVHT	Phân bố ĐVHT	
			Lý thuyết	Thực hành
21.	Nha khoa công cộng nâng cao II	12	3	9
22.	Nha khoa công cộng nâng cao III	12	3	9
23.	Nha khoa trẻ em nâng cao I	12	3	9
24.	Nha khoa trẻ em nâng cao II	12	3	9
25.	Nha khoa trẻ em nâng cao III	12	3	9
26.	Phẫu thuật hàm mặt nâng cao I	12	3	9
27.	Phẫu thuật hàm mặt nâng cao II	12	3	9
28.	Phẫu thuật hàm mặt nâng cao III	12	3	9
29.	Phẫu thuật miệng nâng cao I	12	3	9
30.	Phẫu thuật miệng nâng cao II	12	3	9
31.	Phẫu thuật miệng nâng cao III	12	3	9
32.	Phục hình răng hàm mặt nâng cao I	12	3	9
33.	Phục hình răng hàm mặt nâng cao II	12	3	9
34.	Phục hình răng hàm mặt nâng cao III	12	3	9
<b>PHẦN CHỨNG CHỈ TỰ CHỌN: 20 ĐVHT (Học viên chọn 2 trong 11 chứng chỉ) (Học viên chọn 02 chứng chỉ tự chọn cùng cụm môn chính*)</b>				
1.	Bệnh học miệng	10	3	7
2.	Cắn khớp	10	3	7
3.	Cấy ghép nha khoa	10	3	7
4.	Chỉnh hình răng mặt	10	3	7
5.	Chữa răng - Nội nha	10	3	7
6.	Nha chu	10	3	7
7.	Nha khoa công cộng	10	3	7
8.	Nha khoa trẻ em	10	3	7
9.	Phẫu thuật hàm mặt	10	3	7
10.	Phẫu thuật miệng	10	3	7
11.	Phục hình răng hàm mặt	10	3	7
12.	Khoa học chẩn đoán hình ảnh răng hàm mặt	10	3	7

**\* CÁC CỤM ĐƯỢC CHIA NHƯ SAU:**

- + **Cụm Bệnh lý - Phẫu thuật Hàm Mặt:** Phẫu thuật hàm mặt, Bệnh học miệng, Chẩn đoán hình ảnh Răng Hàm Mặt.
- + **Cụm Nha khoa phẫu thuật:** Phẫu thuật miệng, Cấy ghép nha khoa, Nha chu.
- + **Cụm Nha khoa phục hồi:** Phục hình răng hàm mặt, Chữa răng-Nội nha, Cắn khớp
- + **Cụm Dự phòng phát triển:** Chỉnh hình răng mặt, Nha khoa công cộng, Nha khoa trẻ em.

**IV. LUẬN VĂN: 10 ĐVHT.**

**V. ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP: 10 ĐVHT.**

KT. HIỆU TRƯỞNG  
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
 ĐẠI HỌC  
 Y DƯỢC  
 THÀNH PHỐ  
 HỒ CHÍ MINH  
 \*  
 Nguyễn Hoàng Bắc